

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-01-2025.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tài

Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 432/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị R, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: 1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 1 ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị R trình bày:

Vào ngày 09 tháng 8 năm 2012 chị có đăng ký kết hôn với anh Huỳnh Văn C tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình chung sống vợ chồng có được 02 con chung là Huỳnh Thị Yến L, sinh ngày 25/05/2012 và Huỳnh Thị Ai M, sinh ngày 29/09/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn C.

Về con chung: Hai con chung chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Huỳnh Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị R. Về hôn nhân chị R được ly hôn với anh C, về 02 con chung sẽ do chị R trực tiếp nuôi dưỡng và anh C không phải cấp dưỡng do chị R không có yêu cầu, về tài sản chung và nợ chung chị R trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1 Về mối quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Anh Huỳnh Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

2.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị R và anh Huỳnh Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 09/8/2012. Vì vậy, hôn nhân của chị R và anh C được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị R cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra cãi vã dẫn đến bất đồng quan điểm nên mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C đến để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh, chị. Tuy nhiên, anh C không đến và không có lý do. Chị R vẫn cương quyết ly hôn nên không thể hàn gắn được. Do đó, căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị R là phù hợp.

2.2 Về con chung: Theo biên bản lấy ý kiến nguyện vọng con chung ngày 29/11/2024 thì cháu Huỳnh Thị Yến L và cháu Huỳnh Thị Ái M1 có nguyện vọng sống chung với mẹ phù hợp với yêu cầu của chị R cũng như biên bản xác minh tình trạng hôn nhân. Do đó, tiếp tục giao 02 con chung cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị R không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị R trình bày không có, anh C không có lời trình bày về tài sản, nếu sau này có tranh chấp các bên có quyền yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị R đối với anh Huỳnh Văn C.

Cụ thể tuyên:

1.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị R được ly hôn với anh Huỳnh Văn C. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị R không có yêu cầu.

1.2 Về con chung: Chị R và anh C có 02 con chung tên Huỳnh Thị Yến L, sinh ngày 25/05/2012 và Huỳnh Thị Ái M, sinh ngày 29/09/2016. Sau khi ly hôn, 02 con chung sẽ do chị Nguyễn Thị R trực tiếp nuôi dưỡng và anh Huỳnh Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị R không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết chị R, anh C có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị R trình bày không có, anh C không có lời trình bày về tài sản, nếu sau này có tranh chấp các bên có quyền yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị R có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng theo biên lai thu số 0005977 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú là đủ.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Thạnh, huyện Thạnh Phú;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí